

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/DS-ST.

Ngày: 08-3-2024.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng góp
hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng**.

Bà **Trần Thu Hồng**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Quý – kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-DS ngày 31/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2024/QĐST-DS ngày 21/02/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Kha Thị T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Trần Thị Kim P, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

*Bị đơn: Trần Thị Thu T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Trần Minh H, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Kha Thị T có chị Trần Thị Kim P trình bày:**

Bà T và ông H là vợ chồng. Bà T và bà T có quen biết nhau. Bà T làm đầu thảo hụi, bà T là hụi viên, có tham gia hụi do bà T là chủ hụi như sau:

- Loại hụi 3.000.000đồng/phần, vào ngày 15/9/2021 (âm lịch), có 25 phần, 01 tháng khui 01 lần, bà T tham gia 01 phần, bà T đã đóng được 23 kỳ hụi sống/phần với số tiền là 69.000.000đồng.

- Loại hụi ngày 1.000.000đồng/phần, vào ngày 25/4/2023 (âm lịch), có 40 phần, 01 ngày khui 01 lần, bà T tham gia 04 phần, bà T đã đóng cho bà T đến mãn 40 kỳ hụi sống/phần, với số tiền tổng cộng tiền vốn hụi của 04 phần là 144.000.000đồng. Khi nhận đủ số tiền 144.000.000đồng, bà T có viết biên nhận

và ký tên “Q” với nội dung: “Chị B vô hụi ngày 15/3/2023 (âm lịch) 144.000.000đồng.

Như vậy hiện nay bà T còn nợ bà T tổng cộng 213.000.000đồng.

Bà T và ông H là vợ chồng cùng ở chung nhà với nhau, bà T tổ chức nhiều dây hụi, ông H cũng là hụi viên trong từng dây hụi, ông H biết việc bà T tổ chức chơi hụi, bà T và ông H tổ chức hụi có thu tiền hoa hồng từng dây hụi để phát triển kinh tế gia đình. Bà T và ông H dùng tiền hoa hồng cũng như tiền lời chơi hụi để mua nhiều đất đai, hiện nay bà T đã tuyên bố bế hụi, bà T nhiều lần đến đòi nhưng bà T chỉ hứa không trả.

Nay bà T yêu cầu giải quyết:

- Yêu cầu bà Trần Thị Thu T và ông Trần Minh H liên đới trả cho bà T số tiền là 213.000.000đồng (Hai trăm mười ba triệu đồng), không yêu cầu trả lãi, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Tại đơn khởi kiện bổ sung nguyên đơn bà Kha Thị T trình bày:

Tôi vẫn giữ nguyên các nội dung yêu cầu khởi kiện bà T với ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ hụi của dây hụi ngày 25/4/2023 với số tiền là 144.000.000đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, bà T khởi kiện bổ sung thêm nội dung sau: Bà T có tham gia dây hụi mở ngày 15/3/2023 âm lịch của bà T với ông H, hụi 1.000.000đồng, có 40 phần, bà T tham gia 05 phần đóng được số tiền 180.000.000đồng, đủ luôn một lần. Sau đó bà T, ông H kêu bế hụi vào tháng 6/2023 cũng không giao hụi ngày cho bà T.

Nên bà T khởi kiện bổ sung:

- Yêu cầu bà T và ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền của dây hụi ngày 15/3/2023 với số tiền là 180.000.000đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Kha Thị T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi mở ngày 15/9/2021 âm lịch, bà T chỉ yêu cầu bà T và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ hụi của dây hụi ngày 25/4/2023 với số tiền là 144.000.000đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Lý do dây hụi này để bà Thâm tự thỏa thuận với bị đơn về việc trả tiền dây hụi này.

* Bị đơn bà Trần Thị Thu T, ông Trần Minh H đã được tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T, ông H không đến cũng không có ý kiến trình bày.

* *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:* Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thụ lý việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn chị P có đơn xin vắng mặt, riêng bị đơn bà T, ông H vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị P, bà T, ông H. Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16;

Điều 17 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hội, biểu, phường. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kha Thị T. Buộc bà Trần Thị Thu T, ông Trần Minh H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T tổng số tiền là 324.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi bốn triệu đồng) trả khi án có hiệu lực pháp luật. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà T, ông H trả số tiền 69.000.000 đồng (sáu mươi chín triệu đồng) của dây hội ngày 15/9/2021 âm lịch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hội được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn chị P có đơn xin vắng mặt xét xử, Bị đơn bà Trần Thị Thu T, ông Trần Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị P, bà T, ông H.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kha Thị T khởi kiện yêu cầu: Bà T và ông H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ hội là 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) đối với dây hội ngày 25/4/2023 (âm lịch) và số tiền nợ hội là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) đối với dây hội ngày 15/3/2023 (âm lịch).

Bà T cung cấp tài liệu, chứng cứ là: “Giấy xác nhận nợ”, có chữ ký tên: “Quyên” có nội dung: “chị B vô hội ngày 25-4-2023 Âl 144.000.000”, và giấy xác nhận nợ có chữ ký tên: “Q” với nội dung: “chị Bầy vô hội ngày 15-3-2023 Âl 5 phần 180.000.000”. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Theo Biên bản xác minh ngày 22/01/2024 của Tòa án (Bút lục 22) thể hiện: “Bà Kha Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T có tên thường gọi là B, vợ B Đ do chồng bà T tên thường gọi là B Đ nên mọi người gọi theo tên chồng bà T là B hoặc B Đ. Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1977 và ông Trần Minh H, sinh năm 1973 là vợ chồng cùng chung sống tại nhà của hai vợ chồng tại ấp Thanh B, xã Thanh T, huyện G, tỉnh T. Bà T tên thường gọi là Q, ông H tên thường gọi là Chín T. Ông H và bà T hiện đang sinh sống tại địa phương”. Từ đó cho thấy việc bà T có tham gia chơi hội như bà T trình bày là đúng. Bà T và ông H là vợ chồng cùng chung sống, sử dụng tiền chơi hội vào việc phục vụ các nhu cầu thiết yếu của gia đình nên bà T và ông H cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền là 324.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi bốn triệu đồng) là phù hợp quy định pháp luật. Bà T, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, xem như bà T, ông H đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà T và ông H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ hội 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) của dây hội ngày 25-4-2023 Âl và số tiền

180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) của dây hui ngày 15/3/2023 Âl là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu bà T, ông H phải trả cho bà T số tiền lãi của số tiền 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) và số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

[5]. Do bà Kha Thị T có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Trần Thị Thu T và ông Trần Minh H có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà T số tiền nợ hui là 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự tự nguyện của bà T, phù hợp quy định pháp luật nên cần Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kha Thị T về việc yêu cầu bà Trần Thị Thu T và ông Trần Minh H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Kha Thị T số tiền là 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng) của dây hui ngày 15/9/2021 (âm lịch).

[6]. Xét ý kiến phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T nên bà T, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 273, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hui, biểu, phường. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kha Thị T.

- Buộc bà Trần Thị Thu T và ông Trần Minh H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Kha Thị T tổng số tiền là 324.000.000 đồng [(Ba trăm hai mươi bốn triệu đồng, trong đó có 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) của dây hui ngày 25/4/2023 Âl (âm lịch) và số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) của dây hui ngày 15/3/2023 Âl (âm lịch)].

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T cho đến khi thi hành án xong, bà T và ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kha Thị T về việc yêu cầu bà Trần Thị Thu T và ông Trần Minh H cùng có nghĩa vụ trả cho bà Kha Thị T số tiền là 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng) của dây hui ngày 15/9/2021 (âm lịch).

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Bà Trần Thị Thu T, ông Trần Minh H phải chịu số tiền là 16.200.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho bà Kha Thị T số tiền là 5.325.000 đồng (Năm triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012667 ngày 06/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T và số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Thâm đã nộp theo biên lai thu số 0009189 ngày 08/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T.

Về quyền kháng cáo: Chị P vắng mặt, bà T vắng mặt, ông H vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh

